

Bản án số: **300/2021/HC-PT**

Ngày: 30 - 12 - 2021

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào

Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 330/2021/TLPT-HC ngày 15-11-2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 45/2019/HC- ST ngày 14-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 705/2021/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khối 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Vũ Cát T, sinh năm 1981; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trương Văn T, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N (*văn bản ủy quyền ngày 22-3-2019*). Có đơn xin xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp*: Ông Lê Văn T, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

* Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía người khởi kiện trình bày:

Bà Nguyễn Thị Xuân T sống với bà Hứa Thị Đ (bà Nội của bà) từ nhỏ. Năm 2005, bà T kết hôn đến 2009 bà T ly hôn và dẫn con về sống với bà Đ. Do nhà chật nên bà Đ và các thành viên trong gia đình thống nhất cho bà T xây dựng ngôi nhà diện tích 24,18m² trên thửa đất số 03, tờ bản đồ số 27A, có tổng diện tích 95,2m², tại khối 4, thị trấn N, để hai mẹ con bà sinh sống (đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ vào năm 2007). Tài sản của bà T nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng xây dựng dự án cầu A, Km 1018+669, Quốc lộ 1 thuộc dự án phần 1 đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 Km 947-Km 987, tỉnh Quảng Nam, được Ủy ban nhân dân huyện N (UBND) phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 6517/QĐ-UBND ngày 19-7-2017.

Ngày 31/7/2017, UBND huyện N ban hành Quyết định số 7135/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ về nhà ở cho hộ gia đình bà T với tổng là 83.683.448 đồng và Quyết định số 7153/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 về việc bố trí tái định cư cho bà Nguyễn Thị Xuân T tại lô đất số A10-51 thuộc khu tái định cư T II, thị trấn N, huyện N, diện tích 125 m², giá trị quyền sử dụng đất tái định cư phải nộp là 262.500.000 đồng. Bà T đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ và đã nộp tiền sử dụng đất cho Nhà nước tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn N à bà đã làm hồ sơ và gửi cho Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai N đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất tái định cư vào ngày 05/9/2017.

Tuy nhiên, ngày 27/9/2018, UBND huyện N ban hành Quyết định số: 6248/QĐ- UBND về việc thu hồi Quyết định số 7153/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 về việc bố trí tái định cư cho bà Nguyễn Thị Xuân T. Việc thu hồi Quyết định số 7153/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 là không đúng quy định pháp luật làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Bà.

Bà T cho rằng Kết luận Thanh tra số 20/KL-TTtr ngày 31-7-2018 của Thanh tra huyện N, có nhiều điểm không khách quan vì tại tiết c Mục 2 kết luận Thanh tra nhận định: “Bà T có nhà trên đất của hộ ông S (chú bà T) và bị giải

tòa nhà ở” là không sát thực tế vì nguồn gốc đất này là của bà Đ, không phải của ông S, bà T làm nhà trên đất của bà Đ năm 2009. Năm 2010, bà Đ mới chuyển cho ông S và nhận định hộ bà T không phải là hộ gia đình có nhiều cặp vợ chồng sống chung, bị thu hồi một phần đất ở, không thể hiện nhu cầu giao thêm đất ở...là phiến diện vì bà T làm nhà trên đất của hộ bà Đ, trong đó có ông S, sau đó bà Đ chuyển nhượng cho ông S. Hiện ông S là chủ hộ có đất ở bị thu hồi nhưng trong thửa đất bị thu hồi có nhà của bà T nên bà T cũng có chung quyền sử dụng và có quyền sở hữu ngôi nhà trên thửa đất này, bà T buộc phải di chuyển chỗ ở để giao đất cho Nhà nước. Do đó, thửa đất mà ông S và bà T có nhà ở trên đó là thửa đất có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống, đã tách hộ khẩu riêng và bị nhà nước thu hồi nên Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương để quyết định giao đất ở, nhà ở tái định cư cho từng hộ gia đình. Hiện bà T có hộ khẩu riêng gồm 02 nhân khẩu là bà T và con, là người bị giải tỏa trắng nhà ở mà không có chỗ ở nào khác trên địa bàn thị trấn huyện N. Đối chiếu với quy định tại điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam thì bà T có đủ các điều kiện để bố trí tái định cư, như: có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ có đất bị thu hồi; hộ bà T bị giải tỏa trắng nhà ở, công trình, vật kiến trúc; không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn thị trấn N; hộ bà T thực tế sống trên cùng một thửa đất ở trước đây với bà Đ (nay là ông S) và bị nhà nước thu hồi đất; thửa đất bị thu hồi là nơi ở duy nhất của bà T; đã thể hiện nhu cầu bố trí tái định cư vì đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, cũng như đã lập thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do đó, Kết luận thanh tra cho rằng “Bà T không thể hiện có nhu cầu giao thêm đất ở” là không phù hợp với thực tế vì thủ tục về bồi thường, bố trí tái định cư nhiều người dân không đủ khả năng để biết, nếu quyền của họ được hưởng thì lẽ ra cơ quan chức năng phải phổ biến cho họ. Hơn nữa, đơn xin bố trí tái định cư chỉ là một phần trong việc thể hiện nhu cầu về tái định cư mà nhu cầu này còn thể hiện trên Biên bản xác lập giữa Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng với hộ gia đình, nộp tiền sử dụng đất... nếu không có nhu cầu thì bà T đã không nộp 260 triệu đồng để nhận đất tái định cư.

Vì vậy, Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 27-9-2018 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi Quyết định 7153/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của UBND huyện N về việc bố trí tái định cư cho bà T là trái với khoản 2 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 và trái với điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22-12-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. Nên bà T yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 27-9-2018 của Ủy ban nhân dân huyện Núi hành.

Phía người bị kiện trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện N không thu hồi đất của bà T mà thu hồi đất của ông Nguyễn Hoàng S, với diện tích 51,6m², diện tích đất còn lại của ông S là

50,8m² và UBND huyện N đã bố trí tái định cư cho ông S một lô đất. Việc UBND huyện N bố trí tái định cư cho bà T lô đất trước đây là không đúng quy định vì Ủy ban nhân dân huyện không có thu hồi đất của bà T mà thu hồi đất của ông S. Do đó, ngày 27-9-2018, Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành Quyết định số 6248/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 7153/QĐ-UB ngày 31-7-2017 của UBND huyện N về bố trí tái định cư cho bà T. Cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 27-9-2018 là Kết luận Tranh tra số 20/KL-TTr ngày 31-7-2018 của Tranh tra huyện N về việc thanh tra đột xuất công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án cầu A, thị trấn N và Quyết định số 5297/QĐ-UBND ngày 13-8-2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc xử lý Kết luận thanh tra đột xuất công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án cầu A, thị trấn N, huyện N. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đối với yêu cầu buộc UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô số A 10-51 thuộc khu tái định cư T II, thị trấn N, huyện N cho bà T thì UBND huyện không đồng ý, do lô đất này chưa giao cho bà T vì đã bị UBND huyện N thu hồi theo Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 27-9-2018 nên trong trường hợp này chưa có cơ sở để bà T thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 45/2019/HC-ST ngày 14-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng Điều 74,75, khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013 và Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05-9-2017 của UBND tỉnh Quảng Nam. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T:

- Hủy Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 27-9-2018 của UBND huyện N về việc thu hồi Quyết định số 7153/QĐ-UB ngày 31-7-2017 của UBND huyện N.

- Buộc UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất số AI0-51 thuộc khu tái định cư T II, thị trấn N, huyện N cho bà Nguyễn Thị Xuân T theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 27-11-2019, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát cấp cao Đà Nẵng đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015. Không chấp nhận đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện N. Giữ nguyên Bản án số 45/2019/HC-ST ngày 14-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối tượng khởi kiện là Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 27-9-2018 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc thu hồi Quyết định số 7153/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của UBND huyện N và yêu cầu buộc UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất số A 10-51 thuộc khu tái định cư T II, thị trấn N, huyện N cho bà Nguyễn Thị Xuân T. Ngày 19-12-2018, bà Nguyễn Thị Xuân T làm đơn khởi kiện vụ án hành chính nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính 2015.

[2] Xét đơn kháng cáo của UBND huyện N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Hứa Thị Đ được cấp Giấy CNQSD đất tại thửa số 03, tờ bản đồ số 27A, diện tích 95,2 m² đất ở do UBND huyện N cấp ngày 23-4-2007. Ngày 08-10-2010, bà Đ chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho con bà là ông Nguyễn Hoàng S. Thực hiện dự án đã quy hoạch đối với cầu A đoạn Km 947-Km 987 của tỉnh Quảng Nam vào năm 2016, UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam đã thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với diện tích đất 51,6m² của hộ ông Nguyễn Hoàng S. Tuy nhiên, sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị Xuân T (cháu ông S) cùng con là Văn Công Kiệt sống cùng bà nội là bà Hứa Thị Đ tại khối 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam và được bà Đ cùng các thành viên trong gia đình đã thống nhất cho phép bà T xây dựng 01 ngôi nhà diện tích 24,18m²/51,6m² đất bị thu hồi liền kề nhà bà Đ, cụ thể: Tại Quyết định số 5041/QĐ-UBND ngày 08-7-2016 của UBND huyện N thu hồi đối với 51,6m² đất ở thuộc thửa 03, tờ bản đồ số 27A theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện N cấp ngày 23-4-2007 cho bà Hứa Thị Đ. Sau khi thực hiện việc kiểm kê và tính giá bồi thường, hỗ trợ, UBND huyện N ban hành Quyết định số 7135/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Xuân T về công trình vật kiến trúc, hỗ trợ di chuyển chỗ ở, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất với tổng số tiền 83.683.448 đồng. Đồng thời, Quyết định 7153 nêu trên có bố trí tái định cư cho bà Nguyễn Thị Xuân T lô đất A 10-51 thuộc khu Tái định cư T II. Sau đó, ngày 27-9-2018 thì UBND huyện N ban hành Quyết định 6248/QĐ-UBND thu hồi Quyết định số 7153/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 về bố trí tái định cư cho bà Nguyễn Thị Xuân T lô đất A 10-51 thuộc khu Tái định cư T II với lý do giao lô tái định cư không đúng đối tượng là không đúng pháp luật. Bởi lẽ: Theo kết quả xác minh tại UBND thị trấn N thì tại thời điểm thực hiện việc thu hồi đất cho đến nay, bà T cũng không có nhà ở nào khác trên địa bàn thị trấn N, huyện N.

Việc UBND huyện N thu hồi 51,6m² đất ở thuộc thửa 03, tờ bản đồ số 27A, trong đó có đất của bà T đã xây dựng nhà thì đã bồi thường về đất ở cho ông S. Do đó, việc bà T không có chỗ ở thuộc trường hợp được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo quy định khoản 2 Điều 79 Luật đất đai năm 2013 và quy định tại mục 5 khoản 3 Điều 2 Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05-9-2017 của UBND tỉnh Quảng Nam như cấp sơ thẩm nhận định là đúng. Việc UBND huyện N ban hành Quyết định 6248/QĐ-UBND ngày 27-9-2018 thu hồi Quyết định số 7153/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 về việc bố trí tái định cư làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

Từ phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam, chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Do Ủy ban nhân dân huyện N không được chấp nhận đơn kháng cáo nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 45/2019/HC-ST ngày 14-10-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. **Xử:**

Áp dụng Điều 74, 75, khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013 và Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05-9-2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T đề nghị:

- Hủy Quyết định số 6248/QĐ-UBND ngày 27-9-2018 Ủy ban nhân dân về việc thu hồi Quyết định số 7153/QĐ-UB ngày 31-7-2017 của UBND huyện N.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất số A 10-51 thuộc khu tái định cư T II, thị trấn N, huyện N cho bà Nguyễn Thị Xuân T theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 30, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ủy ban nhân dân huyện N phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số

0000420 ngày 23-12-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam. Ủy ban nhân dân huyện N đã nộp đủ án phí.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 30 - 12 - 2021./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục Thi hành án DS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ, VT, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thuý Cầu